

NHỮNG HẠN CHẾ CỦA PHÁP LUẬT VỀ XÁC ĐỊNH CÔNG SỨC ĐÓNG GÓP TRONG KHỐI TÀI SẢN CHUNG CỦA VỢ CHỒNG KHI LY HÔN VÀ MỘT SỐ ĐỀ XUẤT KHẮC PHỤC

Nguyễn Minh Nhật* và Kim Hữu Tín
Trường Đại học Tây Đô
(*Email: nmnhat-bmluat@tdu.edu.vn)

Ngày nhận: 23/8/2023

Ngày phản biện: 15/9/2023

Ngày duyệt đăng: 05/01/2024

TÓM TẮT

Trong một vụ kiện ly hôn thì việc xảy ra các tranh chấp có liên quan đến tài sản chung của vợ chồng là điều khó tránh khỏi. Trong bối cảnh xã hội phổ biến hình thức gia đình mà chỉ một bên chồng (hoặc vợ) tham gia vào các hoạt động sản xuất, tạo lập kinh tế (tài sản) chung cho cả gia đình còn một bên vợ (hoặc chồng) đảm nhận nhiệm vụ công việc gia đình thì công sức đóng góp của người vợ (hoặc chồng) làm công việc này trong nhiều trường hợp chưa được giải quyết một cách thỏa đáng trong một vụ kiện ly hôn có phân chia tài sản chung. Vấn đề trên đã được điều chỉnh bởi pháp luật về hôn nhân gia đình của Việt Nam. Thế nhưng, còn quá nhiều những bất cập trong việc giải quyết vấn đề này. Dựa trên cơ sở phân tích, tổng hợp, đánh giá các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các văn bản pháp luật khác có liên quan, từ đó tác giả tìm hiểu những hạn chế của pháp luật về xác định công sức đóng góp của vợ chồng trong khối tài sản chung khi ly hôn cũng như đề xuất một số biện pháp khắc phục những hạn chế này.

Từ khóa: Công sức đóng góp, hạn chế của pháp luật, ly hôn, tài sản chung của vợ chồng,

Trích dẫn: Nguyễn Minh Nhật và Kim Hữu Tín, 2024. Những hạn chế của pháp luật về xác định công sức đóng góp trong khối tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn và một số đề xuất khắc phục. Tạp chí Nghiên cứu khoa học và Phát triển kinh tế Trường Đại học Tây Đô. 19: 66-78.

*ThS. Nguyễn Minh Nhật - Giảng viên Luật, Trường Đại học Tây Đô

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việc chia tài sản của vợ chồng là một vấn đề cần phải giải quyết khi ly hôn, và sẽ không có vấn đề gì nếu vợ chồng có thể thỏa thuận (được với nhau về việc này). Tuy nhiên, đây là một vấn đề phức tạp thường có nhiều tranh chấp giữa vợ chồng khi ly hôn¹, đặc biệt là đối với tài sản thuộc sở hữu chung của vợ chồng. Vấn đề sẽ phát sinh khi cả hai không thống nhất được với nhau trong việc phân chia khối tài sản chung khi mỗi bên có công sức đóng góp khác nhau nhưng lại không xác định được phần công sức đóng góp đó, nhất là khi chỉ có một người tham gia tạo lập khối tài sản chung còn người còn lại đảm nhận công việc gia đình. Do vậy, việc đảm bảo quyền lợi của người vợ hoặc chồng trong một vụ kiện ly hôn có phân chia tài sản chung là vấn đề được chú trọng quan tâm trong pháp luật về hôn nhân và gia đình ở Việt Nam. Thế nhưng, do những đặc điểm về xã hội cũng như pháp luật trong việc điều chỉnh vấn đề này còn nhiều hạn chế, do đó khi áp dụng vào thực tiễn giải quyết một vụ kiện ly hôn có phân chia tài sản chung của vợ chồng thì đó lại là một vấn đề phức tạp, mục tiêu bảo vệ quyền lợi chính đáng của cả hai bên hoặc một trong hai bên là vợ, chồng ở vị trí yếu thế hơn là ít khi đạt được. Do đó, việc tìm ra những hạn chế còn tồn tại của vấn đề này cũng như đề xuất các biện pháp khắc phục sẽ góp phần áp dụng thống nhất pháp luật khi giải quyết một vụ kiện

ly hôn có phân chia tài sản chung của vợ chồng nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trên thực tế.

2. QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ XÁC ĐỊNH CÔNG SỨC ĐÓNG GÓP TRONG KHỐI TÀI SẢN CHUNG CỦA VỢ CHỒNG KHI LY HÔN

2.1. Tài sản chung của vợ chồng

Khi quan hệ hôn nhân được pháp luật thừa nhận, cùng với quá trình chung sống và lao động thì khối tài sản chung của vợ và chồng cũng bắt đầu được hình thành và xác lập (loại trừ trường hợp giữa vợ và chồng có thỏa thuận riêng về tài sản riêng của vợ và chồng), khối tài sản chung ấy được sử dụng trước hết nhằm mục đích để đảm bảo và duy trì sự phát triển của gia đình. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 thì tài sản chung của vợ chồng bao gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng và thu nhập hợp pháp khác trong thời kỳ hôn nhân (trừ trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 40 Luật Hôn nhân và gia đình 2014), tài sản mà vợ chồng được thừa kế chung hoặc được tặng cho chung và tài sản khác mà vợ chồng thỏa thuận là tài sản chung. Quyền sử dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng, trừ trường hợp vợ hoặc chồng được thừa kế riêng, được tặng cho riêng hoặc có được thông qua giao dịch bằng tài sản riêng. Như vậy, ta có thể hiểu rằng tài sản chung của vợ chồng là công sức đóng góp chung của

¹ Đại học Luật Hà Nội, 2017. Giáo trình Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam, NXB CAND, Hà Nội, tr 280.

vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Vợ hoặc chồng có thể góp vào tài sản chung bằng chính tài sản riêng của mình, bằng sức lao động thông qua các hoạt động sản xuất, kinh doanh và những thu nhập hợp pháp khác được pháp luật thừa nhận. Nhìn chung, tất cả những tài sản vợ chồng có được trong thời kỳ hôn nhân sẽ rất dễ dàng bị cuốn vào khối tài sản chung của vợ chồng², tài sản và thu nhập hợp pháp của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân đều thuộc khối tài sản chung của vợ chồng (loại trừ trường hợp được quy định tại Điều 43 Luật Hôn nhân và gia đình 2014).

Tài sản chung của vợ chồng thuộc sở hữu chung hợp nhất có thể phân chia và được dùng để bảo đảm nhu cầu của gia đình, thực hiện nghĩa vụ chung của vợ chồng³. Sở hữu chung hợp nhất ở đây được hiểu là sở hữu chung mà trong đó phần quyền sở hữu của mỗi chủ sở hữu không được xác định đối với tài sản chung. Do vậy, bình thường chúng ta không thể xác định được phần tài sản nào là của vợ, phần tài sản nào là của chồng trong khối tài sản chung hợp nhất và chỉ khi nào có sự phân chia tài sản chung của vợ chồng thì mới có thể xác định được phần tài sản của từng người trong khối tài sản chung⁴. Có thể do điều kiện sức khỏe, đặc điểm công việc và nghề nghiệp, hay thỏa thuận trong tổ

chức gia đình mà sự đóng góp công sức của vợ chồng vào việc xây dựng khối tài sản chung là không ngang bằng nhau nhưng quyền sở hữu của họ đối với tài sản chung là như nhau. Và, tài sản chung của vợ chồng không nhất thiết phải được cả hai vợ chồng cùng tạo lập nên, khối tài sản chung này có thể được tạo lập chỉ do công sức của vợ hoặc chồng nhưng do thỏa thuận hay theo quy định của pháp luật mà nó được thu hút vào khối tài sản chung.

2.2. Pháp luật về công sức đóng góp của vợ chồng trong vụ kiện ly hôn có phân chia tài sản chung

Như vậy, vợ chồng có quyền ngang nhau đối với khối tài sản chung và trong một vụ kiện ly hôn thì về nguyên tắc, tài sản chung của vợ chồng được chia đôi, tuy nhiên, có xét đến các yếu tố khác nhằm xác định sự chênh lệch về tài sản mà vợ, chồng được chia (nếu có): Hoàn cảnh của gia đình và của vợ, chồng; công sức đóng góp của vợ, chồng vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung; bảo vệ lợi ích chính đáng của mỗi bên trong sản xuất, kinh doanh và nghề nghiệp để các bên có điều kiện tiếp tục lao động tạo thu nhập; lỗi của mỗi bên trong vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng⁵. Nhìn chung, về cơ bản những yếu tố xét đến khi phân chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn theo khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 đã bảo đảm được quyền và lợi ích chính đáng của vợ, chồng khi phân chia tài sản. Đặc biệt, pháp luật về hôn nhân và gia đình tiếp tục ghi nhận công

² Nguyễn Vinh Hưng, 2022. Xác định tài sản chung của vợ chồng đối với doanh nghiệp tư nhân - Một số vướng mắc và kiến nghị. Tạp chí nghiên cứu lập pháp. Số 24(472)/Kỳ 2, tháng 12/2022, tr 30-34.

³ Khoản 2 Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

⁴ Đại học Luật Hà Nội, 2017. Giáo trình Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam, NXB CAND, Hà Nội, tr 147.

⁵ Khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

sức đóng góp của vợ chồng trong việc tạo lập khối tài sản chung và thừa nhận lao động của vợ, chồng trong gia đình cũng được coi như lao động có thu nhập⁶. Về vấn đề này đã được điều chỉnh lần đầu tiên bởi Luật Hôn nhân và gia đình 1959. Với quy định “*lao động trong gia đình được kể như lao động sản xuất*”⁷ thì pháp luật đã công nhận lao động trong gia đình cũng là một hình thức góp phần tạo ra của cải, tài sản chung của vợ chồng và người vợ hoặc chồng làm công việc trong gia đình vẫn có thể yêu cầu chia một nửa (hoặc ít nhất là một phần) tài sản chung khi chấm dứt hôn nhân, cho dù việc tích lũy của cải được tích lũy trực tiếp từ công sức lao động ngoài xã hội của chỉ một người còn lại. Đây được xem như một biện pháp bảo vệ quyền lợi chính đáng về tài sản cho người vợ hoặc chồng sau khi ly hôn, trong điều kiện mà người vợ hoặc chồng dành phần lớn thời gian chăm sóc cho gia đình mà không trực tiếp làm ra tài sản chung của vợ chồng.

Sự kế thừa trong quy định về công sức đóng góp của vợ hoặc chồng tiếp tục được duy trì và được thể hiện trong Luật Hôn nhân và gia đình 1986⁸, 2000⁹, 2014¹⁰. Như vậy, với sự công nhận về công sức đóng góp của vợ (hoặc chồng) trong việc hình thành và tạo lập khối tài sản chung là cơ sở pháp lý vô cùng quan trọng để có thể bảo vệ quyền lợi chính đáng của một trong hai bên là vợ hoặc

chồng ở vị trí yếu thế hơn, đặc biệt trong hoàn cảnh mà người yếu thế hơn hoàn toàn không có những chứng cứ nào để có thể chứng minh tài sản mình đã đóng góp vào việc hình thành khối tài sản chung của vợ chồng.

Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình 2014 thì công sức đóng góp sẽ được tính đến khi xảy ra một vụ kiện ly hôn và có liên quan đến việc phân chia tài sản chung mà chỉ có một trong hai bên là chồng hoặc vợ là người trực tiếp tạo ra tài sản và một bên còn lại thực hiện nhiệm vụ lao động trong gia đình. Theo đó, việc chia tài sản phải dựa trên nguyên tắc có tính đến “*công sức đóng góp của vợ, chồng vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung*”¹¹. Sự đóng góp này “*là sự đóng góp về tài sản riêng, thu nhập, công việc gia đình và lao động của vợ, chồng trong việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung. Người vợ hoặc chồng ở nhà chăm sóc con, gia đình mà không đi làm được tính là lao động có thu nhập tương đương với thu nhập của chồng hoặc vợ đi làm. Bên có công sức đóng góp nhiều hơn sẽ được chia nhiều hơn*”¹². Do vậy, công sức đóng góp vào khối tài sản chung cho dù được thực hiện bằng bất cứ hình thức nào, trực tiếp hay gián tiếp, lao động sản xuất hay lao động trong gia đình như nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con, nuôi dưỡng, phụng dưỡng ông bà, cha mẹ (bao gồm cả thai sản)...thì

⁶ Điểm b Khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

⁷ Điều 29 Luật Hôn nhân và gia đình 1959

⁸ Điều 42 Luật Hôn nhân và gia đình 1986

⁹ Điều 95 Luật Hôn nhân và gia đình 2000

¹⁰ Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình 2014

¹¹ Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình 2014

¹² Điểm b Khoản 4 Điều 7 Thông tư số

01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình

cũng được xem là hoạt động góp phần vào việc tạo lập khối tài sản chung của vợ chồng. Lập luận hợp lý và đúng đắn nhất được đưa ra để giải thích cho quy định này của pháp luật đó là nguyên tắc bình đẳng giữa vợ và chồng, thế nên nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con, phụng dưỡng ông bà, cha mẹ...không thể là nhiệm vụ của riêng vợ (hoặc chồng) và việc tạo lập kinh tế gia đình cũng không phải là một đặc quyền của người còn lại. Thế nhưng, trong hoàn cảnh mà cần có sự phân công lao động và trách nhiệm chăm nom chăm sóc gia đình một cách phù hợp và hiệu quả nhất thì giữa vợ và chồng có thể có sự thỏa thuận sao cho phát huy một cách tốt nhất vai trò của mỗi người, đảm bảo phát huy ưu thế mà vợ và chồng đang nắm giữ. Và, có thể thấy rằng sự phân công này có thể được thực hiện một cách ngẫu nhiên ngẫu định hoặc cũng có thể là một sự thỏa thuận có chủ ý giữa vợ và chồng, khi đó sẽ *“không phân biệt giữa lao động trong gia đình và lao động có thu nhập”*¹³ giữa vợ và chồng.

Sự phân công là có thể có về tính chất công việc của vợ và chồng, dù thế nào đi nữa thì cũng nhằm một mục đích đó là duy trì và đảm bảo sự phát triển của gia đình, và đây là điều mà pháp luật không thể nào can dự. Thế nhưng, điều đó sẽ hoàn toàn không phù hợp trong một vụ kiện ly hôn, có nghĩa rằng pháp luật sẽ đảm bảo cho nguyên tắc bình đẳng giữa vợ và chồng được thực hiện, đặc biệt trong hoàn cảnh mà một bên là vợ hoặc chồng là người thực hiện công việc

trong gia đình sẽ luôn là người không có nhiều những cơ sở để chứng minh vị trí, vai trò của mình trong việc tạo lập ra khối tài sản chung. Quy định của pháp luật nhằm dự đoán và có thể ngăn chặn một hệ quả không hề mong muốn nêu trên là đã có¹⁴, thế nhưng việc áp dụng nó lại không hề dễ dàng và mang lại kết quả tốt như mong đợi của người làm luật. Do vậy, việc cần thiết là phải tìm ra những vấn đề còn bất cập trong quy định của pháp luật về vấn đề này để đảm bảo quyền lợi chính đáng cho một bên vợ (hoặc chồng) ở vị trí yếu thế hơn khi xác định công sức đóng góp trong một vụ kiện ly hôn có phân chia tài sản chung.

3. NHỮNG HẠN CHẾ CỦA PHÁP LUẬT TRONG VIỆC XÁC ĐỊNH CÔNG SỨC ĐÓNG GÓP CỦA VỢ (HOẶC CHỒNG) TRONG VỤ KIẾN LY HÔN CÓ PHÂN CHIA TÀI SẢN CHUNG VÀ ĐỀ XUẤT KHẮC PHỤC

3.1. Những hạn chế của pháp luật trong việc xác định công sức đóng góp của vợ (hoặc chồng) trong vụ kiện ly hôn có phân chia tài sản chung

Như trên đã nêu, khi xảy ra một vụ kiện ly hôn có phân chia tài sản chung thì lúc này việc phân chia tài sản chung của vợ chồng được thực hiện theo nguyên tắc được quy định tại Điều 59 Luật hôn nhân gia đình 2014 và được hướng dẫn chi tiết ở Khoản 4 Điều 7 Thông tư 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP. Như vậy, với quy định này nó tạo cơ sở, hành lang pháp lý cần thiết để áp dụng vào trong thực tiễn giải

¹³ Khoản 1 Điều 29 Luật Hôn nhân và gia đình 2014

¹⁴ Khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

quyết tranh chấp về tài sản trong một vụ kiện ly hôn, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của vợ, chồng khi ly hôn, phù hợp với đạo lý và thuần phong mỹ tục của dân tộc. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực đạt được thì quy định trên còn mắc phải một số hạn chế nhất định cần phải khắc phục như sau:

Thứ nhất, về công sức đóng góp của vợ, chồng vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung¹⁵. Hiện nay, trong điều kiện quy định của pháp luật không được rõ ràng và thiếu những văn bản hướng dẫn bổ sung thì việc xác định “công sức đóng góp” như thế nào là điều hoàn toàn mang tính định tính và khái quát chung chung. Trường hợp vụ ly hôn giữa ông Đặng Lê Nguyên Vũ và bà Lê Hoàng Diệp Thảo (vợ chồng Trung Nguyên) là một điển hình về tranh chấp tài sản chung khi ly hôn. Khối tài sản tranh chấp gồm vàng, tiền mặt, ngoại tệ và vốn góp trong các công ty, ban đầu ông Vũ đưa ra đề nghị tòa phân xử cho mình nhận 70%, còn 30% được chia cho bà Thảo. Về các bất động sản, ông Vũ đề nghị chia đôi (phiên tòa xét xử sơ thẩm ngày 20/02/2019). Nếu ông Vũ muốn được chia phần tài sản chung nhiều hơn bà Thảo thì ông Vũ phải chứng minh mình có công sức đóng góp nhiều hơn. Ông phải chứng minh mình có đóng góp nổi bật cho thấy công sức nhiều hơn rõ rệt và phân biệt được với công sức đóng góp của bà Thảo.

Nếu như việc đóng góp bằng tài sản riêng, thu nhập còn có khả năng xác

định được bằng những “dấu vết” để lại của tài sản riêng và thu nhập (thông qua các văn bản chứng nhận hay qua hợp đồng lao động...) thì việc xác định “công sức đóng góp” bằng công việc gia đình là điều hầu như không thể thực hiện được trên thực tế, bởi đây là yếu tố trừu tượng, khó định lượng. Theo đó công sức đóng góp của người vợ hoặc chồng làm công việc gia đình dựa trên tiêu chí nào để xác định? Những bữa cơm gia đình, lau chùi quét dọn nhà cửa, chăm sóc con cái, nuôi dưỡng bố mẹ già,...có được xem là những công việc gia đình để làm tiêu chí xác định? Những vấn đề này phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau và khó có thể xác định được một cách chính xác nên vẫn còn những tranh chấp bất cập xảy ra. Và, một khi mà yếu tố thiện chí của cả hai bên đặc biệt là đối với bên chồng (hoặc vợ) đã trực tiếp tạo ra tài sản không được đặt lên hàng đầu thì điều này sẽ dẫn đến những khó khăn, thậm chí có thể là bế tắc trong quá trình xét xử vì phần “công sức đóng góp” bằng công việc gia đình có thể được cả hai bên vợ và chồng hiểu và xác định hoàn toàn theo hai hướng khác nhau¹⁶. Vấn đề sẽ càng khó khăn hơn khi thời gian chung sống giữa vợ chồng cho đến thời điểm ly hôn càng kéo dài thì việc xác định “công sức đóng góp” của vợ chồng càng khó khăn hơn gấp bội. Đây có thể được xem là hạn chế lớn nhất ở quy định này của pháp luật.

Thứ hai, xuất phát từ hạn chế vừa nêu ở trên đã dẫn đến một hệ lụy tiếp theo đó

¹⁵ Điều b Khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

¹⁶ Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre. Bản án 06/2022/HNGĐ-PT ngày 17/05/2022 về tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn.

là việc không có một cơ sở nhất định nào để cho cơ quan xét xử có thể viện dẫn vào để làm căn cứ để xác định “công sức đóng góp” bằng công việc gia đình của vợ hoặc chồng để ra các quyết định cho mình, vì vậy một phán quyết mang nhiều cảm tính¹⁷ là điều hoàn toàn có thể xảy ra. Lúc này, kết quả của vụ kiện lại tùy thuộc vào khả năng xét xử và trình độ chuyên môn của thẩm phán. Có thể sẽ có một tỉ lệ nào đó mà thẩm phán cho là phù hợp nhất được đưa ra dựa trên khả năng trình bày, cũng như khả năng thuyết phục của người vợ và chồng về phần “công sức đóng góp” bằng công việc gia đình mà theo mình là phù hợp nhất. Như vậy, do không có một quy định rõ ràng và kết quả xét xử một phần được định đoạt do cảm tính, thế nên có thể một trong các bên là chồng (hoặc vợ) sẽ tìm cách “tác động” vào thẩm phán để kết quả cuối cùng được đưa ra sao cho có lợi nhất về mình. Lúc này, người được lợi về tài sản lại có thể là người chồng (hoặc vợ) đã trực tiếp làm ra tài sản, bởi có thể dễ dàng nhận thấy rằng đối với người còn lại chỉ thực hiện chức năng công việc trong gia đình thì khó có thể có khả năng “tác động” được đối với thẩm phán (do không có thu nhập riêng, không có khả năng về kinh tế...). Thế nên người làm công việc trong gia đình đã bị thiệt thòi nay còn thiệt thòi hơn, đặc biệt là đối với người phụ nữ.

Thứ ba, trong trường hợp xác định được “công sức đóng góp” của các bên là có sự khác nhau thì bên có “công sức đóng góp” nhiều hơn sẽ được chia phần nhiều hơn¹⁸. Đây là điều hoàn toàn hợp lý, ai đóng góp nhiều hơn thì được chia phần nhiều hơn, thế nhưng vấn đề cũng có thể dễ dàng phát sinh ở một quy định tương chừng như đơn giản này. Có hai vấn đề ở quy định trên, đóng góp nhiều hơn và chia phần nhiều hơn, cụ thể như sau:

- Về “bên có công sức đóng góp nhiều hơn” được hiểu là bên vợ hoặc chồng có công sức đóng góp nhiều hơn trong việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung so với bên còn lại. Sẽ chẳng có vấn đề gì phát sinh nếu chỉ có một bên vợ hoặc chồng thực hiện công việc này hoặc cả hai cùng tham gia nhưng có chứng cứ, cơ sở cho việc xác định bên nào đóng góp nhiều hơn. Vấn đề sẽ phức tạp hơn khi chỉ có một bên vợ (hoặc chồng) có công nhiều hơn trong việc tạo lập tài sản chung nhưng lại có công ít hơn (hoặc thậm chí không có) trong việc duy trì và phát triển khối tài sản chung hay ngược lại. Vậy, khi đánh giá công sức đóng góp trong trường hợp này Tòa án sẽ lấy công sức tạo lập tài sản chung làm yếu tố để quyết định hay chọn yếu tố duy trì phát triển khối tài sản chung là quyết định, hay lựa chọn cả hai yếu tố đó để xem xét và ra quyết định cho mình? Cho dù có lựa chọn theo trường hợp nào đi nữa thì

¹⁷ Đoàn Thị Phương Diệp, 2006. Về nguyên tắc suy đoán tài sản chung trong luật hôn nhân gia đình Việt Nam và luật dân sự Pháp. Tạp chí Nghiên cứu Khoa học - Trường Đại học Cần Thơ. Số 2006-6, tr 182-185.

¹⁸ Điểm b Khoản 4 Điều 7 Thông tư số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình

quyết định của Tòa trong trường hợp này cũng không mang tính thuyết phục vì không có một quy định pháp luật nào cho một tình huống như vậy để làm cơ sở cho Tòa ra phán quyết của mình.

- Về quy định “được chia nhiều hơn” sau khi xác định được “bên có công sức đóng góp nhiều hơn”. Vậy ở đây “được chia nhiều hơn” là ở mức như thế nào, bao nhiêu phần trăm hay giá trị bao nhiêu... trong khối tài sản chung? Theo lẽ hợp lý phần được chia nhiều hơn này có thể sẽ phụ thuộc vào tỷ lệ công sức đóng góp (nếu đã xác định được tỷ lệ công sức đóng góp) của người được chia trong khối tài sản chung. Tuy nhiên, không có một quy định như vậy và thẩm phán hoàn toàn có thể ra một phán quyết khác mà phần tài sản được chia nhiều hơn này hoàn toàn có thể không tương xứng với tỷ lệ công sức đóng góp của người được chia nhiều hơn. Do vậy, với quy định còn quá chung chung như vậy sẽ dễ dẫn đến một phán quyết không có sức thuyết phục đối với một trong hai bên hoặc cả hai bên. Đây cũng là một kẽ hở dễ dẫn đến yếu tố tiêu cực trong hoạt động xét xử của Tòa án.

Tóm lại, việc không được quy định một cách rõ ràng khi xác định “công sức đóng góp” của vợ (hoặc chồng) thì điều đó không chỉ gây khó khăn cho hoạt động xét xử, phân chia khối tài sản chung trong một vụ kiện ly hôn mà nó còn có thể là một trở lực trong việc thực hiện chính sách về bình đẳng giới của Đảng và Nhà nước ta. Điều đó hoàn toàn có thể xảy ra khi mà những dấu ấn đậm nét của một xã hội phong kiến và tư

tướng trọng nam khinh nữ vẫn còn¹⁹. Có thể nhận thấy rằng người phụ nữ khi đảm đương nhiệm vụ làm công việc trong gia đình là đối tượng dễ bị tổn thương nhất nếu mục đích của đời sống hôn nhân không đạt được và cần phải giải quyết bằng một vụ kiện ly hôn. Trong hoàn cảnh này nếu như người chồng không thiện chí, không ghi nhận công sức đóng góp của người vợ trong thời gian chung sống thì người vợ chỉ còn biết dựa vào những quy định của pháp luật để bảo vệ mình. Thế nhưng, điều đó liệu có thể thực hiện được khi mà ngay chính bản thân của pháp luật về điều chỉnh vấn đề này cũng còn nhiều thiếu sót.

3.2. Một số đề xuất giải pháp khắc phục

Để có thể khắc phục những hạn chế nêu trên người viết đề xuất một số giải pháp, cụ thể như sau:

Thứ nhất, với quy định không rõ ràng khi xác định “công sức đóng góp” của vợ (hoặc chồng) trong khối tài sản chung thì vấn đề này cần phải được giải thích và hướng dẫn thực hiện được rõ ràng hơn. Việc đưa ra cách xác định cụ thể về “công sức đóng góp” sẽ giúp cho cơ quan xét xử không phải lúng túng khi đưa ra các quyết định của mình, đồng thời trong quá trình xét xử sẽ hạn chế được sự bất đồng quan điểm của các bên khi không có sự thống nhất chung về “công sức đóng góp” của từng người.

¹⁹ Trương Thị Diệp, 2019. Bình đẳng giới ở Việt Nam – Thành tựu và thách thức. Tạp chí Khoa học Học viện Phụ nữ Việt Nam. Quyển 6 Số 2 – 2019, tr 14-19.

Trước hết, cần làm sáng tỏ phạm vi của công việc “lao động của vợ, chồng trong gia đình”²⁰ và “công việc gia đình”²¹. Pháp luật về lao động đã có quy định về vấn đề này, theo đó các công việc trong gia đình bao gồm công việc nội trợ, quản gia, chăm sóc trẻ em, chăm sóc người bệnh, chăm sóc người già, lái xe, làm vườn và các công việc khác cho hộ gia đình nhưng không liên quan đến hoạt động thương mại²². Do vậy, pháp luật về hôn nhân và gia đình cần đưa ra một phạm vi tương tự như vậy để có thể có cách hiểu và thống nhất chung về vấn đề này.

Vấn đề tiếp theo là xác định “công sức đóng góp”. Sẽ là hợp lý trong trường hợp mà một bên vợ (hoặc chồng) làm công việc trong gia đình được tính “công sức đóng góp” dựa trên sự quy đổi của mức lương tối thiểu chung mà một người lao động bình thường làm công việc gia đình (theo hợp đồng lao động) có thể nhận được hàng tháng khi lao động trực tiếp ngoài xã hội. Vấn đề đặt ra đó là về thời gian chung sống, nếu thời gian càng dài thì cơ quan xét xử cần tính toán để có thể đưa ra được một mức trung bình chung của mức lương tối thiểu làm cơ sở áp dụng để tính “công sức đóng góp”. Khi xét về giá trị quy đổi thì công việc của người vợ (hoặc chồng) làm công việc trong gia đình có thể sẽ có giá trị cao hơn vì đó hoàn toàn là một

công việc vất vả, và điều quan trọng hơn đó là một công việc mang ý nghĩa tinh thần, gắn kết tạo sự đầm ấm, hạnh phúc trong gia đình...mà những yếu tố này thì không một giá trị nào có thể quy đổi ra được. Tuy nhiên, trong hoàn cảnh mà luật thực định chưa có một giải pháp nào căn cơ cho việc xác định (dù là tương đối) “công sức đóng góp” của vợ (hoặc chồng) bằng công việc gia đình trong một vụ kiện ly hôn, có tranh chấp phân chia tài sản chung thì giải pháp trên thực sự sẽ là một hướng mở cho việc giải quyết vấn đề này.

Thứ hai, khi mà hạn chế của vấn đề xác định “công sức đóng góp” của vợ (hoặc chồng) bằng công việc gia đình được khắc phục bằng giải pháp nêu trên thì đây cũng sẽ là giải pháp mà khi thực hiện sẽ khắc phục được tình trạng các quyết định được đưa ra dựa trên sự cảm tính, cũng như hạn chế những tiêu cực có thể xảy ra trong hoạt động xét xử của thẩm phán. Tuy nhiên, cũng cần phải nói thêm rằng sự hoàn thiện của những quy định pháp luật nói chung cũng như sự không rõ ràng trong việc xác định “công sức đóng góp” nếu được khắc phục thì điều đó cũng sẽ không có nhiều ý nghĩa trong trường hợp mà cơ quan xét xử chưa làm hết trách nhiệm của mình. Trong vụ kiện ly hôn thì việc phân chia khối tài sản chung dựa vào “công sức đóng góp” của từng người được thực hiện trước hết theo sự thỏa thuận giữa vợ và chồng, Tòa án chỉ có thể can thiệp khi mà việc thỏa thuận đó không đạt được kết quả. Thế nhưng, điều đó không đồng nghĩa với mọi thỏa thuận điều có giá trị và phù hợp với pháp luật. Trong trường

²⁰ Điểm b Khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

²¹ Điểm b Khoản 4 Điều 7 Thông tư số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình

²² Khoản 1 Điều 169 Bộ luật Lao động 2019.

hợp thỏa thuận phân chia tài sản chung dựa vào “công sức đóng góp” được đưa ra nhưng có một bên là vợ (hoặc chồng) bị gây áp lực, ép buộc hay bị hăm dọa...thì chắc chắn rằng đó không thể là một thỏa thuận được công nhận. Do vậy, vấn đề đặt ra là Tòa án cần phải giám sát thỏa thuận này và cần phải đảm bảo rằng bên yếu thế hơn (đặc biệt là người phụ nữ) được tự do hoàn toàn về ý chí khi đưa ra các quyết định của mình. Và tất nhiên, sự công tâm, trình độ xét xử của thẩm phán cũng là điều nhất thiết cần phải có trong quá trình xét xử đảm bảo sự công bằng cho các bên.

Thứ ba, trong trường hợp “bên có công sức đóng góp nhiều hơn sẽ được chia nhiều hơn”, giải pháp đề xuất như sau:

- Về “bên có công sức đóng góp nhiều hơn” trong trường hợp khi chỉ có một bên vợ (hoặc chồng) có công nhiều hơn trong việc tạo lập tài sản chung nhưng lại có công ít hơn (hoặc thậm chí không có) trong việc duy trì và phát triển khối tài sản chung hay ngược lại. Đối với vấn đề này, thiết nghĩ cần phải bổ sung thêm quy định về xem xét công sức tạo lập tài sản và công sức trong việc duy trì và phát triển khối tài sản chung. Theo đó, các vấn đề cần phải cân nhắc khi bổ sung thêm quy định trên như: Nguồn gốc tài sản được hình thành từ đâu? Ai là người có thu nhập chính trong việc tạo lập khối tài sản đó? Nếu không có người vợ (hoặc chồng) thì có điều kiện để tạo lập, phát triển khối tài sản đó hay không? Nếu không có công giữ gìn, bảo quản, duy trì, cải tạo... tài sản chung của vợ (hoặc chồng) thì tài sản đó có còn

không, có tăng giá trị lên được hay không? Với việc bổ sung thêm quy định như trên sẽ giúp thẩm phán có thêm cơ sở pháp lý khi xem xét công sức đóng góp của các bên vợ chồng trong khối tài sản chung.

- Về quy định “được chia nhiều hơn” sau khi xác định được “bên có công sức đóng góp nhiều hơn”. Ở đây, để có thể biết được phần được chia nhiều hơn là bao nhiêu thì cần phải có quy định về cách tính cụ thể. Theo đó, sẽ là hợp lý nếu quy định phần được chia nhiều hơn này tỷ lệ thuận với tỷ lệ công sức đóng góp nhiều hơn của vợ (hoặc chồng) trong khối tài sản chung. Vì vậy, trước tiên giá trị của khối tài sản chung cần phải được xác định (đối với phần tài sản chung có tranh chấp), và công sức đóng góp của vợ (hoặc chồng) chiếm tỷ lệ bao nhiêu trong khối tài sản chung đó. Cuối cùng, phần tài sản được chia nhiều hơn này sẽ tương ứng với tỷ lệ công sức đóng góp của vợ (hoặc chồng) trong khối tài sản chung.

Bên cạnh các giải pháp về pháp luật nêu trên thì chúng ta cũng cần phải thực hiện các biện pháp về tuyên truyền giáo dục, nâng cao hơn nữa nhận thức về bình đẳng giới. Hiện nay trong điều kiện mà nếu các cặp vợ chồng ở Việt Nam có sự phân công một người ở nhà làm công việc gia đình thì cũng gần như vị trí này sẽ do người vợ đảm nhận. Do vậy, khi có một vụ kiện ly hôn xảy ra thì cũng không khó hiểu khi mà các trường hợp yêu cầu cần có sự giúp đỡ của Tòa án trong việc xác định “công sức đóng góp” là người vợ. Trong hoàn cảnh nếu người vợ được sự đồng cảm và công nhận từ

người chồng thì việc thỏa thuận xác định “công sức đóng góp” của người vợ sẽ diễn ra dễ dàng và cũng mang lại sự công bằng nhiều hơn cho người vợ. Tuy nhiên, trong điều kiện ngược lại, với tư tưởng kỳ thị trọng nam khinh nữ quá mức²³ có thể người chồng sẽ phủ nhận “công sức đóng góp” của người vợ trong quá trình chung sống. Điều này, tất nhiên sẽ bị pháp luật về hôn nhân gia đình điều chỉnh. Thế nhưng, điều đó hứa hẹn sẽ rất khó khăn cho quá trình đấu tranh, tìm công bằng của người vợ trong một vụ kiện ly hôn khi mà họ đã cống hiến và đóng góp sức lực, tuổi trẻ của mình cho cuộc hôn nhân mà không hề có bất cứ điều gì hiện hữu như một “giấy chứng nhận” chứng minh cho sự đóng góp đó của mình. Do vậy, vấn đề đặt ra đó là phải thay đổi quan điểm của một bộ phận xã hội mà cụ thể là nhận thức của người đàn ông với tư cách là một người chồng, họ phải thật sự thấy được vai trò nội trợ của người vợ trong gia đình. Việc tăng cường giáo dục về bình đẳng giới, bình đẳng giữa vợ và chồng là vô cùng quan trọng, pháp luật đã quy định²⁴, thế nhưng chỉ khi có được nhận thức đúng đắn thì việc áp dụng pháp luật mới có thể thực hiện được dễ dàng hơn.

4. KẾT LUẬN

Việc xác định “công sức đóng góp” của vợ (hoặc chồng) là điều cần thiết khi xảy ra tranh chấp về phân chia khối tài

sản chung trong một vụ kiện ly hôn. Đây là vấn đề có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc bảo vệ quyền lợi chính đáng của một bên vợ (hoặc chồng) trong điều kiện là người yếu thế hơn khi chứng minh công sức của mình trong khối tài sản chung. Vì thế, sự hoàn thiện của pháp luật về xác định “công sức đóng góp” mang ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Với sự phát triển của xã hội, sự đóng góp của các nhà khoa học qua các công trình nghiên cứu chuyên ngành và thực tiễn xét xử của Tòa án, thì hy vọng trong thời gian sắp tới, sự hoàn thiện sẽ được thể hiện không chỉ trong việc xác định “công sức đóng góp” của vợ chồng nói riêng mà trong pháp luật về giải quyết ly hôn ở Việt Nam nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đại học Luật Hà Nội, 2017. Giáo trình Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam, NXB CAND, Hà Nội.
2. Đoàn Thị Phương Diệp, 2006. Về nguyên tắc suy đoán tài sản chung trong luật hôn nhân gia đình Việt Nam và luật dân sự Pháp. Tạp chí Nghiên cứu Khoa học - Trường Đại học Cần Thơ. Số 2006-6. 182-185.
3. Hội đồng Nhà nước, 1986. Luật Hôn nhân và gia đình số 21-LCT/HĐNN7.
4. Nguyễn Vinh Hưng, 2022. Xác định tài sản chung của vợ chồng đối với doanh nghiệp tư nhân - một số vướng mắc và kiến nghị. Tạp chí nghiên cứu lập pháp. Số 24(472)/Kỳ 2, tháng 12/2022. 30-34.

²³ Đoàn Thị Phương Diệp, 2006. Về nguyên tắc suy đoán tài sản chung trong luật hôn nhân gia đình Việt Nam và luật dân sự Pháp. Tạp chí Nghiên cứu Khoa học - Trường Đại học Cần Thơ. Số 2006-6. 182-185.

²⁴ Luật bình đẳng giới 2006, Khoản 1 Điều 2 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

5. Quốc Hội, 1959. Luật Hôn nhân và gia đình số 2/SL.
6. Quốc Hội, 2000. Luật Hôn nhân và gia đình số 22/2000/QH10.
7. Quốc Hội, 2006. Luật Bình đẳng giới số 73/2006/QH11.
8. Quốc Hội, 2014. Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13.
9. Quốc Hội, 2019. Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14.
10. Tòa án Nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, 2016. Thông tư liên tịch Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP.
11. Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre. Bản án 06/2022/HNGĐ-PT ngày 17/05/2022 về tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn
12. Trương Thị Diệp, 2019. Bình đẳng giới ở Việt Nam – Thành tựu và thách thức. Tạp chí Khoa học Học viện Phụ nữ Việt Nam. Quyển 6 Số 2 - 2019. 14-19.

LIMITATIONS OF THE LAW IN DETERMINING CONTRIBUTIONS IN THE JOINT PROPERTY OF SPOUSES DURING DIVORCE AND SOME PROPOSED REMEDIES

Nguyen Minh Nhat* and Kim Huu Tin
Tay Do University
(*Email: nmnhathat-bmluat@tdu.edu.vn)

ABSTRACT

In a divorce case, the occurrence of disputes relating to the common property of the spouses is unavoidable. While social context popularizes a setup that only a husband (or wife) engages in productive activities to generate financial gains and assets for the whole family; and the wife or husband takes on the tasks of the housework, the contributions of the wife (or husband) has not been sufficiently recognized if during a divorce case, the split in common property is necessary. This problem has been governed by the laws of marriage and family of Vietnam. However, there are too many gaps in addressing this issue as revealed in the analysis, synthesis and evaluation of the provisions of the Law on Marriage and Family 2014 and other relevant legal documents. From there, the author explores the limitations of the law in determining the contribution of spouses in common property when divorced as well as proposing some measures to address these limitations

Keywords: Contributions, limitations of the law, divorce, joint property of spouses